TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐĂK LĂK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:178/2020/HS-ST
Ngày: 25 - 6 – 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐĂK LĂK

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Vĩ;

Các Hội thẩm nhân dân:1 Ông Bùi Ngọc Thảo.
2.Ông Nguyễn Lập Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê N Ánh- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột: Ông Phạm Đức Lễ- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 167/2020/TLST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 172/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Phạm Thị S; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 10 tháng 7 năm 1968; Tại: Thừa Thiên Huế;Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: 55 A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 0/12; Nghề nghiệp: Buôn bán; Con ông: Phạm O (là Liệt sỹ); Con bà: Trương Thị L (đã chết); Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Bị cáo có chồng là: Nguyễn H, sinh năm: 1959; Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm: 1989, con nhỏ nhất sinh năm: 2004. Hiện đều trú tại: 55 A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Nhân thân: Sinh ra và lớn lên ở xã Vinh Xuân, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế. Bị cáo không được đi học. Năm 1987 chuyển vào thành phố Buôn Ma Thuột, làm ăn sinh sống. Ngày 11/3/2020 có hành vi Trộm cắp tài sản. Ngày 20/3/2020 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.(Có mặt tại phiên tòa).

-**Người bị hại**:Bà Ngô Thị N; sinh năm: 1973(Vắng mặt).

Địa chỉ: xã E, Thành phố. B, tỉnh Đăk Lăk.

-**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan**: Ông Nguyễn H; sinh năm: 1959 (Có mặt).

Địa chỉ:55 A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 11 tháng 3 năm 2020, Phạm Thị S điều khiển xe Mô tô nhãn hiệu ASTREA, màu đen, biển số 47B1- 463.21, đi từ nhà đến tiệm tạp hóa Minh Anh, của chị Ngô Thị N, địa chỉ: Thôn 2, xã Ea Tu, S dừng xe dựng trước tiệm rồi vào mua nước uống. Lúc này, chỉ có một mình chị N ở tiệm, chị N nói với S "đang dịch bệnh, mua thêm đồ về mà ăn" thì S đi lại kệ chứa hàng lấy trong khay trứng gà và trứng vịt mỗi loại 10 quả để lại bàn tính tiền, rồi tiếp tục đi vào kệ chứa hàng lấy 20 gói mì tôm và hai cây thuốc lá ngựa trắng (loại cây 10 gói, loại gói 20 điếu) thì S nhìn thấy cửa tủ kính đối diện với kệ chứa mì tôm không khóa, trong tủ có một chiếc hộp nhựa trong suốt màu trắng, kích thước (10 x 10 x 05) cm, bên trong có nhiều thẻ cào điện thoại của nhiều mạng viễn thông khác nhau. Lúc này, S nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. S đem khay trứng và 02 cây thuốc lá ngựa trắng ra chỗ bàn tính tiền, thì chị N đưa cho S một túi ni lông để S cho mì tôm vào túi ni lông, còn chị N thì cho trứng vào một túi ni lông khác. Lợi dụng lúc chị N sơ hở, không để ý, S lén lút lấy trộm 02 cây thuốc lá ngựa trắng bỏ vào bên dưới túi ni lông rồi cho mì tôm lên bên trên để chị N không phát hiện ra, rồi S tiếp tục đi lại tủ kính trộm cắp chiếc hộp nhựa chứa thẻ cào điện thoại cất giấu vào trong người, đi ra trả tiền mì tôm, trứng và nước ngọt cho chị N rồi tẩu thoát. Trên đường về, S lấy hết số thẻ cào trộm cắp được ra khỏi hộp nhựa cho vào túi ni lông rồi vứt bỏ chiếc hộp nhựa ở ven đường (không xác định được địa điểm vị trí). Sau đó, S cất giấu toàn bộ số thẻ cào điện thoại tại nhà S, còn 02 cây thuốc lá S đã bán cho khách hàng. Đến ngày 13 tháng 3 năm 2020, ông Nguyễn H (là chồng của bị can S) đi từ quê vào, S đã nói cho ông H biết được số thẻ cào trên do S trộm cắp tại tiệm tạp hóa Minh Anh của chị Ngô Thị N mà có, gồm: 59 thẻ cào mệnh giá 10.000 đồng, 21 thẻ cào mệnh giá 20.000 đồng, 51 thẻ cào mệnh giá 50.000 đồng của các mạng viễn thông Viettel, Mobifone, Vinaphone, Vietnamobile. Ông H đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra xử lý. Đối với 02 cây thuốc lá S đã bán hết cho khách hàng (không rõ nhân thân, lai lịch) nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, không thu giữ được. Bị can S tự nguyện giao nộp 01 chiếc xe Mô tô nhãn hiệu ASTREA, màu đen, biển số 47B1- 463.21 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra xử lý.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 56/KLĐG, ngày 06/4/2020, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột, kết luận:

- 59 thẻ cào (card) điện thoại loại mệnh giá 10.000 đồng, gồm: 09 card Viettel; 21 card Mobifone; 11 card Vinaphone và 18 card Vietnamobile, trị giá 560.500 đồng.

- 51 thẻ cào (card) điện thoại loại mệnh giá 50.000 đồng, gồm: 05 card Viettel; 24 card Mobifone; 22 card Vinaphone và 18 card Vietnamobile, trị giá 2.422.500 đồng.

- 21 thẻ cào (card) Mobifone loại mệnh giá 20.000 đồng, trị giá 399.000 đồng.

- 02 cây thuốc lá ngựa màu trắng (loại cây 10 gói), trị giá 400.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là 3.782.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 175/CT-VKS TPBMT ngày 05 tháng 06 năm 2020, Viện Kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột đã quyết định truy tố ra trước Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, để xét xử đối với bị cáo Phạm Thị S về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị:

Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, x, r, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt Phạm Thị S từ:06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46 Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điểm c Khoản 2 và Điểm a Khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự.

Quá trình điều tra bị cáo Phạm Thị S đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho bà Ngô Thị N, số tiền: 4.000.000 đồng. Chị N đã nhận đủ tiền và làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Phạm Thị S.

- **Về xử lý vật chứng**:

-Đối với 59 thẻ cào mệnh giá 10.000 đồng, 21 thẻ cào mệnh giá 20.000 đồng, 51 thẻ cào mệnh giá 50.000 đồng của các mạng viễn thông Viettel, Mobifone, Vinaphone, Vietnamobile, quá trình điều tra xác định là tài sản của chị Ngô Thị N. Ngày 20/5/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, ra Quyết định xử lý vật chứng, trao trả cho chị N là chủ sở H nhận quản lý, sử dụng là phù hợp.

-Đối với 01 chiếc xe Mô tô nhãn hiệu ASTREA, màu đen, biển số 47B1-463.21 là phương tiện bị cáo S sử dụng để đi trộm cắp. Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột, kết luận: Chiếc xe Mô tô biển số 47B1- 463.21, trị giá: 4.500.000 đồng, quá trình điều tra xác định là tài sản sở H chung của bị cáo S và ông Nguyễn H (chồng bị cáo S). Việc bị cáo S sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội ông H không biết. Nên cần tịch thu trị giá ½ chiếc xe Mô tô biển số 47B1- 463.21 là 2.250.000 đồng và trả lại ½ chiếc xe Mô tô biển số 47B1- 463.21 cho ông Nguyễn H. Ngày 15/5/2020, bị cáo S đã tự nguyện giao nộp số tiền 2.250.000 đồng. Ngày 04/6/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột ra Quyết định xử lý vật chứng, trao trả chiếc xe Mô tô nhãn hiệu ASTREA, màu đen, biển số 47B1- 463.21 cho ông Nguyễn H, nhận quản lý, sử dụng là phù hợp.

Đối với số tiền 2.250.000 đồng bị cáo S giao nộp, cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước là phù hợp.

Tại phiên toà hôm nay bị cáo Phạm Thị S không tranh luận gì thêm thừa nhận hành vi phạm tội của mình đã gây ra đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng một mức án nhẹ nhất vì bị cáo đã ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Tp. Buôn Ma Thuột, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột; Kiểm sát viên trong qúa trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm, diễn biến hành vi bị cáo đã thực hiện, phù hợp với toàn bộ vật chứng đã thu được …Như vậy, có đủ căn cứ kết luận: Do ý thức coi thường pháp lu ật, muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên vào khoảng 15 giờ, ngày 11/03/2020, tại tiệm tạp hóa Minh Anh, địa chỉ: Thôn 2, xã Ea Tu, thành phố Buôn Ma Thuột, Phạm Thị S đã lén lút trộm cắp: 59 thẻ cào mệnh giá 10.000 đồng; 21 thẻ cào mệnh giá 20.000 đồng; 51 thẻ cào mệnh giá 50.000 đồng của các mạng viễn thông Viettel, Mobifone, Vinaphone, Vietnamobile và 02 cây thuốc lá ngựa trắng, tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 3.782.000 đồng đồng của bà Ngô Thị N, thì bị phát hiện xử lý. Bị cáo đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm"

Hành vi phạm tội của Phạm Thị S là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở H tài sản của người bị hại, là một trong những quyền về tài sản được pháp luật hình sự bảo vệ. Khi thực hiện hành vi, bị cáo có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình; thế nhưng chỉ vì ham lợi bất chính không chịu lao động, không có thu nhập nhằm đáp ứng nhu cầu cuộc sống của bản thân, mà bị cáo đã không tôn trọng pháp luật, coi thường quyền sở H tài sản của người khác, cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do bị cáo gây ra.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo Phạm Thị S, đã tự nguyện bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít

nghiêm trọng; bị cáo tự thú; bị cáo có bố là liệt sĩ và được người bị hại làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, h, i, x, r, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015. Do đó, cần xem xét khi lượng hình đối với bị cáo.

[3].Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46 Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điểm c Khoản 2 và Điểm a Khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Điều 585, Điều 589 BLDS.

Quá trình điều tra bị cáo Phạm Thị S đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho bà Ngô Thị N, số tiền: 4.000.000 đồng. Bà N đã nhận đủ tiền và làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Phạm Thị S.

- Về xử lý vật chứng: Đối với 59 thẻ cào mệnh giá 10.000 đồng, 21 thẻ cào mệnh giá 20.000 đồng, 51 thẻ cào mệnh giá 50.000 đồng của các mạng viễn thông Viettel, Mobifone, Vinaphone, Vietnamobile, quá trình điều tra xác định là tài sản của chị Ngô Thị N. Ngày 20/5/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, ra Quyết định xử lý vật chứng, trao trả cho chị N là chủ sở H nhận quản lý, sử dụng là phù hợp.

Đối với 01 chiếc xe Mô tô nhãn hiệu ASTREA, màu đen, biển số 47B1-463.21 là phương tiện bị cáo S sử dụng để đi trộm cắp. Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột, kết luận: Chiếc xe Mô tô biển số 47B1- 463.21, trị giá: 4.500.000 đồng, quá trình điều tra xác định là tài sản sở H chung của bị cáo S và ông Nguyễn H (chồng bị cáo S). Việc bị cáo S sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội ông H không biết. Nên cần tịch thu trị giá ½ chiếc xe Mô tô biển số 47B1- 463.21 là 2.250.000 đồng và trả lại ½ chiếc xe Mô tô biển số 47B1- 463.21 cho ông Nguyễn H. Ngày 15/5/2020, bị cáo S đã tự nguyện giao nộp số tiền 2.250.000 đồng. Ngày 04/6/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột ra Quyết định xử lý vật chứng, trao trả chiếc xe Mô tô nhãn hiệu ASTREA, màu đen, biển số 47B1- 463.21 cho ông Nguyễn H, nhận quản lý, sử dụng là phù hợp.

Đối với số tiền 2.250.000 đồng bị cáo S giao nộp, cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước là phù hợp.

[4]. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo được miễn án phí án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, x, r, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị S phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Phạm Thị S: 09(Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Phạm Thị S cho Ủy ban nhân dân phường Tân Lập , thành phố Buôn Ma Thuột , tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Đồng Thị Bạch Tuyết có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Bị cáo Phạm Thị S phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

-Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 2.250.000 đồng (tiền trị giá ½ chiếc xe Mô tô biển số 47B1- 463.21) bị cáo S đã nộp(*Đặc điểm như biên bản giao nhận tài sản, tang vật ngày 05/06/2020 giữa Công an Tp. Buôn Ma Thuột với Chi cục thi hành án dân sự Tp. Buôn Ma Thuột).*

-Về án phí: Bị cáo Phạm Thị S được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

-Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT 1 – TAND TC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Thi hành án phạt tù (để thi hành);
- Chi cục THADS Tp. Buôn Ma Thuột;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, bị hại, các đương sự;
-UBND P. Tân Lập
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Văn Vĩ